

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
Tên tiếng Anh: Business Administration
Mã ngành: 8340101
Định hướng đào tạo: Chương trình định hướng ứng dụng
Hình thức đào tạo: Chính quy

Bình Định, 2024

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4499/QĐ-ĐHQN ngày 19 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
Tên tiếng Anh: Business Administration
Mã ngành: 8340101
Định hướng đào tạo: Chương trình định hướng ứng dụng
Hình thức đào tạo: Chính quy

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh (Master of Business Administration - MBA) theo hướng ứng dụng trang bị cho học viên kiến thức toàn diện và chuyên sâu trong quản trị điều hành doanh nghiệp. Thông qua quá trình nghiên cứu thực tiễn, chương trình đào tạo giúp học viên nâng cao năng lực giải quyết vấn đề và ra quyết định trong bối cảnh môi trường luôn biến đổi. Học viên được trau dồi kinh nghiệm để phục vụ tốt công tác chuyên môn, đồng thời phân tích, ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh của các tổ chức nhằm hướng đến sự phát triển bền vững.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình	Quản trị kinh doanh
2. Mã ngành đào tạo	8340101
3. Trường cấp bằng	Trường Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
5. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
6. Số tín chỉ yêu cầu	60
7. Khoa quản lý ngành	TC-NH&QTKD
8. Hình thức đào tạo	Chính quy

9. Thời gian đào tạo	2 năm (24 tháng)
10. Đối tượng tuyển sinh	Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
11. Thang điểm đánh giá	10
12. Điều kiện công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ	Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
13. Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị trong các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài nước, cơ quan quản lý nhà nước; - Chuyên gia tham mưu cho lãnh đạo doanh nghiệp trong tổ chức và điều hành các hoạt động quản trị doanh nghiệp, tổ chức. - Chủ doanh nghiệp hoặc giữ vị trí giám đốc điều hành tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước. - Nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách và chiến lược kinh doanh ở các viện nghiên cứu kinh tế, các cơ quan quản lý nhà nước; - Tiếp tục nghiên cứu để trở thành cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy chuyên sâu về quản trị kinh doanh ở các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp.
14. Học tập nâng cao trình độ	Tiếp tục tham gia nghiên cứu ở bậc tiến sĩ trong và ngoài nước về chuyên ngành quản trị kinh doanh.
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của ĐH Kinh tế Quốc dân; ĐH Kinh tế Đà Nẵng; ĐH Kinh tế TP. HCM; Aston Business School, Aston University, University of New South Wales.
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Tháng 12/2024

1.3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệp

Toàn diện: Đào tạo người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực.

Khai phóng: Phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; giúp người học chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời.

Thực nghiệp: Đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; giúp người học thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Triết lý giáo dục của trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh như sau:

Chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh			Triết lý giáo dục của DQN		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	I. Kiến thức chung	Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề	x	x	x
	II. Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức về quản lý kinh tế, các phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học quản trị.	x	x	x
	III. Phần kiến thức chuyên ngành	Kiến thức bắt buộc chuyên ngành QTKD	x	x	x
		Kiến thức tự chọn chuyên ngành QTKD, kiến thức liên ngành, kiến thức bổ trợ chuyên ngành.	x	x	x
	IV. Thực tập, Học phần tốt nghiệp (Đề án)		x	x	x
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Tổng hợp kiến thức thực tiễn và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến và liên ngành trong hoạt động kinh doanh và quản trị.	x	x	x
	PLO2	Thực hiện thuần thục kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và giám sát các hoạt động kinh doanh và quản trị.	x	x	x
	PLO3	Phát triển tư duy phản biện, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh và quản trị.	x	x	x
	PLO4	Đánh giá các hoạt động quản trị và đề xuất các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và quản trị.	x	x	x
	PLO5	Thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh trong xu hướng hội nhập.	x	x	x

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.4.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh cung cấp cho học viên kiến thức chuyên môn hiện đại, toàn diện trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; kỹ năng thực hành quản trị chuyên nghiệp và hiệu quả; khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh giúp cho người học:

- PO1: Có kiến thức chuyên môn; tư duy chiến lược; khả năng phân tích, đánh giá, dự báo những thay đổi của môi trường kinh doanh.

- PO2: Có năng lực lãnh đạo, tổ chức và điều hành doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội.

- PO3: Có khả năng sáng tạo và đổi mới, thích nghi với môi trường kinh doanh toàn cầu.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh có khả năng:

- Về kiến thức

PLO1: Tổng hợp kiến thức thực tiễn và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến và liên ngành trong hoạt động kinh doanh và quản trị.

- Về kỹ năng

PLO2: Thực hiện thuần thục kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và giám sát các hoạt động kinh doanh và quản trị.

PLO3: Phát triển tư duy phản biện, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh và quản trị.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO4: Đánh giá các hoạt động quản trị và đề xuất các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và quản trị.

PLO5: Thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh trong xu hướng hội nhập.

Ma trận Mục tiêu (POs) và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Chuẩn đầu ra của CTĐT Mục tiêu của CTĐT	PLO1: Tổng hợp kiến thức thực tiễn và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến và liên ngành trong hoạt động kinh doanh và quản trị.	PLO2: Thực hiện thuần thực kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và giám sát các hoạt động kinh doanh và quản trị.	PLO3: Phát triển tư duy phản biện, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh và quản trị.	PLO4: Đề xuất các hoạt động quản lý, đánh giá và cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và quản trị.	PLO5: Thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh trong xu hướng hội nhập.
PO1: Có kiến thức chuyên môn; tư duy chiến lược; khả năng phân tích, đánh giá, dự báo những thay đổi của môi trường kinh doanh	x	x	x	x	
PO2: Có năng lực lãnh đạo, tổ chức và điều hành doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội.		x	x	x	
PO3: Có khả năng sáng tạo và đổi mới, thích nghi với môi trường kinh doanh toàn cầu.			x	x	x

1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Chuẩn bị của giảng viên

+ Tài liệu giảng dạy, tài liệu hướng dẫn học tập, dụng cụ dạy học (nếu cần).

- Các phương pháp giảng dạy - học tập [Dạy trực tiếp/gián tiếp/trải nghiệm/tương tác/tự nghiên cứu]

+ Dạy trực tiếp: thuyết giảng, tham luận.

+ Dạy gián tiếp: câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề.

+ Học trải nghiệm: thực tập, thực tế, bài tập nhóm.

+ Dạy học tương tác: thảo luận, làm việc nhóm.

+ Tự nghiên cứu: tiểu luận, dự án / đề án.

Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy - học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)				
	1	2	3	4	5
I. Dạy trực tiếp					
1. Thuyết giảng	x	x	x	x	
2. Tham luận	x	x	x		
II. Dạy gián tiếp					
3. Câu hỏi gợi mở	x		x	x	x
4. Giải quyết vấn đề	x		x	x	
III. Học trải nghiệm					
5. Thực tập, thực tế	x	x	x	x	x
6. Bài tập nhóm	x	x	x	x	
IV. Dạy học tương tác					
7. Thảo luận	x		x	x	x
8. Làm việc nhóm	x		x	x	
V. Tự nghiên cứu					
9. Tiểu luận	x	x	x	x	
10. Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)	x	x	x	x	x

- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

+ Chú trọng sử dụng các phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực người học, phát huy tối đa tính tích cực, sáng tạo, chủ động của học viên. Để thực hiện được điều này, giảng viên cần phải chú trọng phát huy các chức năng tâm lý, khả năng tư duy độc lập, sáng tạo thông qua việc tạo điều kiện cho học viên được thảo luận, trình bày các quan điểm, tư duy về các vấn đề liên quan đến học phần giảng dạy; phối hợp các phương pháp giảng dạy khác nhau một cách hợp lý phù hợp với từng đối tượng người học và bối cảnh cụ thể, từ đó giúp người học chủ động tự tổ chức nghiên cứu, học tập; tích cực tìm hiểu, khám phá, lĩnh hội những tri thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của học phần.

+ Sử dụng tối ưu cơ sở vật chất, phương tiện giảng dạy, học tập: Nhà trường cần có kế hoạch đầu tư và sử dụng hiệu quả các cơ sở vật chất, phương tiện, tài liệu phục vụ cho công tác cho giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập của giảng viên và học viên; Tăng cường và mở rộng sự hợp tác giữa nhà trường với các cơ sở sản xuất, các viện, trường đại học, các tổ chức, cá nhân, ... trong và ngoài nước để tạo điều kiện thuận lợi, vận động cho việc xây dựng, ứng dụng và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ mới, hiện đại, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

1.6.2. Phương pháp đánh giá

a. Thang điểm đánh giá:

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

b. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm:

+ Học phần lý thuyết:

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Chọn 1 trong 3 nhóm trọng số		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
1	Quá trình	<ul style="list-style-type: none">* Đánh giá chuyên cần: tham dự lớp học đầy đủ.* Học viên làm một bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết hoặc thuyết trình).- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.* Các bài báo cáo nhóm hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách học phần.- Tiêu chí đánh giá: nội dung, hình thức, thể hiện bài báo cáo, bài tập lớn theo quy định chi tiết trong M4 của học phần.* Các bài tiểu luận theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.- Tiêu chí đánh giá bài tiểu luận: đúng đáp án hoặc yêu cầu được nêu chi tiết trong M4 của học phần.	30%	40%	50%
2	Cuối kỳ	<ul style="list-style-type: none">Thi kết thúc học phần* Hình thức thi: Viết/vấn đáp.- Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án hoặc yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.* Hình thức thi: Bài báo cáo/thu hoạch/tiểu luận- Tiêu chí đánh giá bài thi: nội dung, hình thức bài theo yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.	70%	60%	50%

+ Học phần thực tập chuyên môn:

50% điểm quá trình (giảng viên hướng dẫn); 50% điểm vấn đáp (thành viên đánh giá được thành lập theo phân công của khoa). Tiêu chí cụ thể được nêu chi tiết trong đề cương chi tiết của học phần.

+ Học phần tốt nghiệp (Đề án thực sĩ):

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn. Tiêu chí cụ thể được nêu chi tiết trong đề cương chi tiết của học phần.

c. Phương pháp đánh giá:

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)				
	1	2	3	4	5
I. Đánh giá tiến trình					
1. Đánh giá chuyên cần	x		x	x	
2. Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x
3. Đánh giá làm việc nhóm	x	x	x	x	x
4. Đánh giá bài kiểm tra	x	x	x	x	x
5. Đánh giá bài tập lớn, tiểu luận	x	x	x	x	x
II. Đánh giá tổng kết					
6. Kiểm tra viết	x	x	x		x
7. Bảo vệ và thi vấn đáp	x	x	x	x	x
8. Đánh giá báo cáo/thu hoạch/tiểu luận/đề án (nội dung và vấn đáp)	x	x	x	x	x

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Cấu trúc tín chỉ khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Phần kiến thức chung	2	0
	Triết học	2	0
2	Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành	33	16
2.1	Các học phần bắt buộc	33	0
2.2	Các học phần tự chọn	0	16
3	Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)	9	0
Tổng:		44	16
		60	

- Phần kiến thức chung gồm 1 học phần:

Phần kiến thức chung giúp người học nâng cao kiến thức về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận cũng như nâng kỹ năng tư duy phân tích và giải quyết vấn đề.

- Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành gồm 28 học phần:

Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành trang bị cho học viên kiến thức toàn diện và chuyên sâu trong quản trị điều hành doanh nghiệp để có thể tự nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp. Phần kiến thức này giúp người hình thành và nâng cao năng lực giải quyết vấn đề trong kinh doanh, trau dồi kinh nghiệm phục vụ tốt công tác chuyên môn đồng thời

phân tích, phát triển kỹ năng tổ chức, quản lý lẫn các mối quan hệ nghề nghiệp, ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh của các tổ chức.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

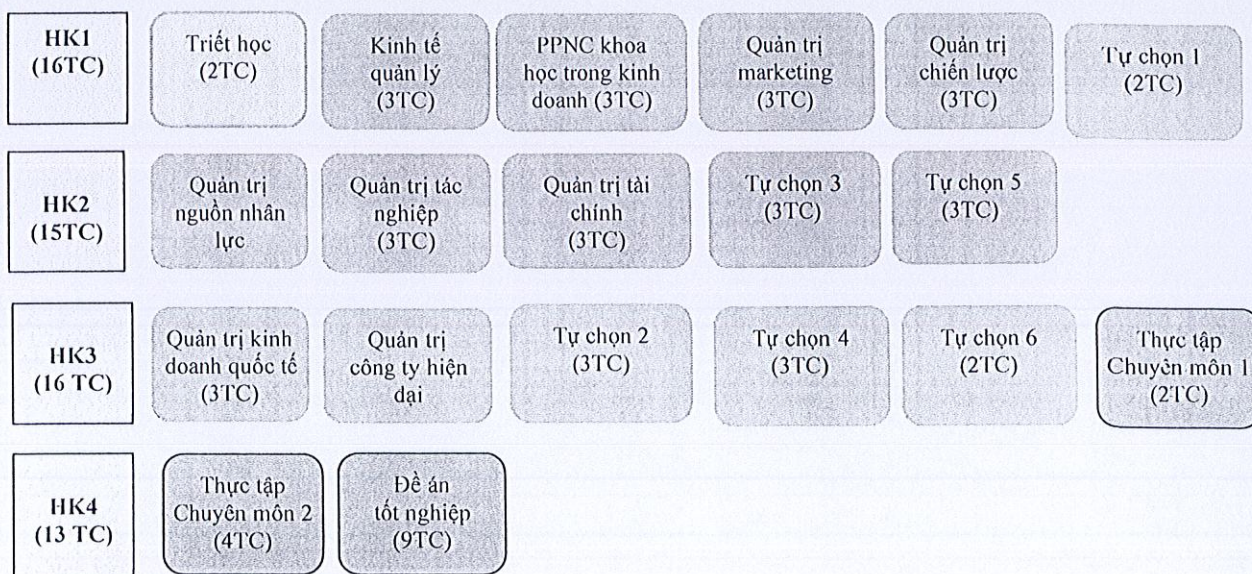
TT	Khối kiến thức	Số TC	Tỉ lệ (%)	Chuẩn đầu ra (PLOs)				
				1	2	3	4	5
I	Phần kiến thức chung	2	3,33					
	Triết học	2	3,33	x		x		
II	Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành	47	81,67					
II.1	Các học phần bắt buộc	33	55,00	x	x	x	x	x
II.2	Các học phần tự chọn	16	26,67	x	x	x	x	x
III	Học phần tốt nghiệp (Đề án)	9	15					
	Đề án thạc sĩ	9	15	x	x	x	x	x

2.3. Danh sách các học phần

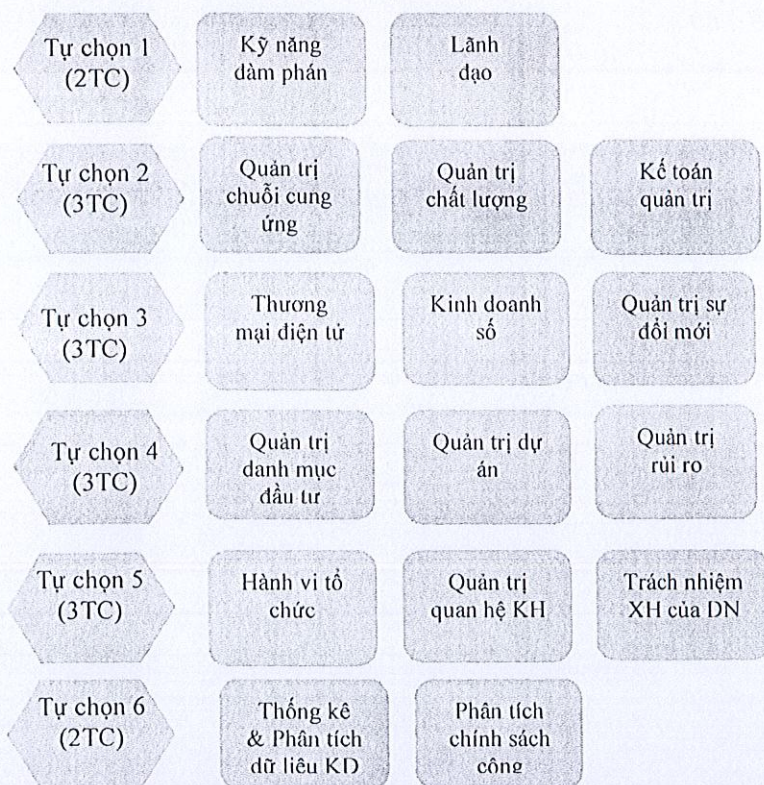
TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng kiến thức			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số			Tổng	LT	BT			
I. Phần kiến thức chung					2					
1	XHTH	101	Triết học	1	2	1	1		LLCT-L-QLNN	
II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành					49					
II.1. Phần bắt buộc					33					
2	QTKT	102	Kinh tế quản lý	1	3	2	1		TC-NH & QTKD	
3	QTPP	103	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	1	3	2	1		TC-NH & QTKD	
4	QTCL	201	Quản trị chiến lược	1	3	2	1		TC-NH & QTKD	
5	QTTN	202	Quản trị tác nghiệp	2	3	2	1		TC-NH & QTKD	
6	QTNL	104	Quản trị nguồn nhân lực	2	3	2	1		TC-NH & QTKD	
7	QTMK	105	Quản trị marketing	1	3	2	1		TC-NH & QTKD	
8	QTTC	203	Quản trị tài chính	2	3	2	1		TC-NH & QTKD	
9	QTQT	304	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	3	2	1		TC-NH & QTKD	
10	QTCT	302	Quản trị công ty hiện đại	3	3	2	1		TC-NH & QTKD	

11	QTTT	301	Thực tập chuyên môn 1	3	2		2			TC-NH & QTKD
12	QTTT	401	Thực tập chuyên môn 2	4	4		4			TC-NH & QTKD
II.2. Phần tự chọn					16					
<i>Tự chọn 1: Chọn 1 trong 2 học phần</i>					2					
13	QTĐP	204	Kỹ năng đàm phán	1	2	1	1			TC-NH & QTKD
14	QTLĐ	205	Lãnh đạo	1	2	1	1			TC-NH & QTKD
<i>Tự chọn 2: Chọn 1 trong 3 học phần</i>					3					
15	QTCU	306	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
16	QTCL	309	Quản trị chất lượng	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
17	QTKT	307	Kế toán quản trị	3	3	2	1			Kinh tế & Kế toán
<i>Tự chọn 3: Chọn 1 trong 3 học phần</i>					3					
18	QTTĐ	204	Thương mại điện tử	2	3	2	1			TC-NH & QTKD
19	QTKD	205	Kinh doanh số	2	3	2	1			TC-NH & QTKD
20	QTĐM	207	Quản trị sự đổi mới	2	3	2	1			TC-NH & QTKD
<i>Tự chọn 4: Chọn 1 trong 3 học phần</i>					3					
21	QTĐT	311	Quản trị danh mục đầu tư	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
22	QTDA	303	Quản trị dự án	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
23	QTRR	305	Quản trị rủi ro	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
<i>Tự chọn 5: Chọn 1 trong 3 học phần</i>					3					
24	QTHV	302	Hành vi tổ chức	2	3	2	1			TC-NH & QTKD
25	QTKH	209	Quản trị quan hệ khách hàng	2	3	2	1			TC-NH & QTKD
26	QTTN	208	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	2	3	2	1			TC-NH & QTKD
<i>Tự chọn 6: Chọn 1 trong 2 học phần</i>					2	2				
27	QTTK	308	Thống kê và phân tích dữ liệu kinh doanh	3	2	1		1		Toán & Thống kê
28	QTCS	310	Phân tích chính sách công	3	2	1	1			TC-NH & QTKD
III. Học phần tốt nghiệp (Đề án)					9					
29	QTĐA	402	Đề án thạc sĩ	4	9					TC-NH & QTKD
Tổng cộng					60					

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy



Danh sách các học phần tự chọn



Chú thích:

<input type="checkbox"/>	Khối kiến thức chung	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	<input checked="" type="checkbox"/>	Thực tập, Đề án thạc sĩ

2.5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

STT	Tên HP	Chuẩn đầu ra (PLOs)				
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
1	Triết học	x		x		
2	Kinh tế quản lý	x			x	
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh			x	x	x
4	Quản trị chiến lược	x		x	x	x
5	Quản trị tác nghiệp		x		x	
6	Quản trị nguồn nhân lực	x		x	x	
7	Quản trị marketing	x		x	x	
8	Quản trị tài chính	x	x		x	
9	Quản trị kinh doanh quốc tế	x	x			x
10	Quản trị công ty hiện đại	x		x	x	
11	Thực tập chuyên môn 1	x		x		
12	Thực tập chuyên môn 2	x	x	x	x	
<i>Tự chọn 1</i>						
13	Kỹ năng đàm phán		x	x		
14	Lãnh đạo		x	x		
<i>Tự chọn 2</i>						
15	Quản trị chuỗi cung ứng			x	x	x
16	Quản trị chất lượng			x	x	x
17	Kế toán quản trị			x	x	x
<i>Tự chọn 3</i>						
18	Thương mại điện tử			x	x	
19	Kinh doanh số			x	x	
20	Quản trị sự đổi mới			x	x	
<i>Tự chọn 4</i>						
21	Quản trị danh mục đầu tư	x		x	x	
22	Quản trị dự án	x		x	x	
23	Quản trị rủi ro	x		x	x	
<i>Tự chọn 5</i>						
24	Hành vi tổ chức			x	x	x
25	Quản trị quan hệ khách hàng			x	x	x
26	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp			x	x	x
<i>Tự chọn 6</i>						
27	Thống kê và phân tích dữ liệu kinh doanh			x	x	
28	Phân tích chính sách công				x	x
29	Đề án thạc sĩ	x	x	x	x	X

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

2.6.1. [XHTH 501], [Triết học], [2TC]

Ở chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, học viên sẽ nghiên cứu môn Triết học đầu tiên trong chương trình đào tạo, nội dung bao gồm lý thuyết và vận dụng thực tế các vấn đề lý luận chung về triết học: bản thể luận; nhận thức luận thế giới quan, phương pháp luận triết học trên cơ sở chủ nghĩa duy vật biện chứng. Qua đó, học viên cũng nhận biết các vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; triết học chính trị; ý thức xã hội; triết học về con người... từ đó ứng dụng để định hướng cho người học xây dựng phương pháp, điều chỉnh hành vi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thực tiễn của bản thân. Môn học này tạo nên nền tảng, cơ sở thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận và lập trường tư tưởng chính trị... để học tập những môn học sau cũng như hướng đến phục vụ cho học viên cả ở hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

2.6.2. [QTKT102], [Kinh tế quản lý], [3TC]

Học phần kinh tế quản lý là học phần vận dụng lý thuyết kinh tế và các công cụ phân tích của khoa học ra quyết định để xem xét cách thức một tổ chức đạt được mục tiêu với hiệu quả cao nhất. Kinh tế quản lý bao gồm các nội dung cơ bản như khái quát chung về kinh tế quản lý; các phương pháp tối ưu hóa; phân tích cầu và hành vi người tiêu dùng; phân tích chi phí và hiệu quả kinh tế theo quy mô; cấu trúc thị trường, cơ cấu cạnh tranh và việc định giá. Đây là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành.

2.6.3. [QTPP103], [Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh], [3TC]

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh trình bày các nội dung lý thuyết và ứng dụng thực tế về phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh; quy trình tiến hành một nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh gồm tổng quan nghiên cứu, xác định mục tiêu nghiên cứu, xây dựng cơ sở lý thuyết, phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu; phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng; cách trình bày kết quả nghiên cứu khoa học để người học có thể vận dụng trong các hoạt động nghiên cứu khoa học.

2.6.4. [QTCL201], [Quản trị chiến lược], [3TC]

Học phần Quản trị chiến lược nằm trong khối kiến thức bắt buộc đối với học viên ngành Quản trị kinh doanh, cung cấp cho anh/chị cách tiếp cận, các phương pháp, kỹ năng tư duy chiến lược, phân tích chiến lược, ra quyết định, triển khai và đánh giá chiến lược. Tính tổng quát, và tầm nhìn dài hạn là đặc trưng khác biệt giữa học phần quản trị chiến lược với các học phần quản trị cụ thể như quản trị Marketing, quản trị tài chính, quản trị sản xuất và tác nghiệp,... Học viên cũng cần có những hiểu biết về các học phần quản trị cụ thể khi thực hiện các phân tích chiến lược.

2.6.5. [QTTN205], [Quản trị tác nghiệp], [3TC]

Học phần quản trị tác nghiệp trình bày các nội dung lý thuyết và ứng dụng thực tế về kế hoạch sản xuất; bố trí mặt bằng sản xuất; sản xuất tinh gọn; ứng dụng lý thuyết xếp hàng trong các doanh nghiệp dịch vụ; xây dựng hệ thống bảo trì. Đây là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành và có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như: Lãnh đạo, Quản trị Marketing, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Logistics và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

2.6.6. [QTNL104], [Quản trị nguồn nhân lực], [3TC]

Học phần Quản trị nguồn nhân lực là một trong các học phần cung cấp kiến thức ngành của ngành quản trị kinh doanh, đó là quản trị con người (người lao động trong tổ chức). Học phần đề cập đến các nội dung về tầm quan trọng của việc quản lý con người, hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng, đánh giá thực hiện công việc, tạo động lực lao động và trả công lao động. Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, từ đó giúp người học có đủ năng lực thực hiện các hoạt động quản trị nguồn nhân lực có hiệu quả trong tổ chức và trong các bộ phận thuộc phạm vi quản lý. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị chiến lược, quản trị tài chính, quản trị sản xuất và các học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

2.6.7. [QTMK105], [Quản trị Marketing], [3TC]

Ở chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo hướng ứng dụng, học phần quản trị Marketing tập trung nghiên cứu nội dung các công việc trong quá trình quản trị marketing bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá và điều kiện các hoạt động marketing của một tổ chức (doanh nghiệp). Mỗi nội dung của quá trình quản trị marketing đều được nghiên cứu về cơ sở ra quyết định, quy trình ra quyết định, nội dung quyết định trong thực tế và các tình huống marketing cụ thể.

2.6.8. [QTTC203], [Quản trị tài chính], [3TC]

Học phần Quản trị tài chính cung cấp những kiến thức chuyên sâu về quản trị tài chính trong hoạt động của doanh nghiệp như: Phân tích và quyết định đầu tư tài sản ngắn hạn; Quyết định đầu tư tài sản dài hạn; Quyết định cơ cấu vốn và chi phí sử dụng vốn; Quyết định chính sách phân phối lợi nhuận; Nhận dạng và đo lường rủi ro tài chính; Phân tích và dự báo tài chính. Nội dung của học phần sẽ giúp cho người học hiểu rõ hơn về các hoạt động tài chính của doanh nghiệp để từ đó có thể vận dụng vào việc quản trị tài chính đối với các công ty trong thực tế.

2.6.9. [QTQT304], [Quản trị kinh doanh quốc tế], [3TC]

Học phần quản trị kinh doanh quốc tế được thiết kế theo tiếp cận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng tập trung nghiên cứu các nội dung liên quan đến công tác quản trị các hoạt động kinh doanh quốc tế từ việc nhận thức đúng bản chất của kinh doanh quốc tế, các yếu tố môi trường tác động đến các hình thức kinh doanh này và cách thức quản trị một cách hiệu quả các hoạt động kinh doanh trong môi trường quốc tế. Học phần cũng cung cấp những kiến thức chuyên sâu về chiến lược kinh doanh quốc tế và các hình thức xâm nhập thị trường nước ngoài, cách thức triển khai hoạt động kinh doanh quốc tế. Từ đó, giúp người học có thể phân tích, đánh giá tình hình thị trường, lựa chọn chiến lược xâm nhập và kinh doanh thành công trên thương trường quốc tế.

2.6.10. [QTCT302], [Quản trị công ty hiện đại], [3TC]

Học phần quản trị công ty hiện đại cung cấp các lý thuyết chuyên sâu và nghệ thuật quản trị. Những hướng dẫn chi tiết cùng các ví dụ cụ thể, thực tế giúp cho ban lãnh đạo các công ty ở nhiều quy mô khác nhau có thể áp dụng ngay và luôn vào hoạt động quản lý và kiểm soát một cách hợp lý và hiệu quả. Mỗi công cụ, mỗi phương pháp quản trị được giải quyết qua các tình huống thực tế giúp người học dễ hiểu, dễ nhớ và dễ ứng dụng vào thực tiễn quản trị công ty.

2.6.11. [QTTT301], [Thực tập chuyên môn 1], [2TC]

Học phần thực tập chuyên môn 1 là học phần được thực hiện ở học kỳ 3, được đào tạo chủ yếu tại cơ sở thực tập. Đây là học phần cần thiết giúp học viên tìm hiểu, nghiên cứu sâu một lĩnh vực kiến thức chuyên môn và thực tế tại cơ sở thực tập. Đồng thời vận dụng kiến thức đã học để tiến hành phân tích, đánh giá thực tiễn hoạt động của cơ sở thực tập. Từ đó, đưa ra nhận xét, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu ở những mặt hoạt động mà học viên đã tiến hành phân tích và đề xuất các định hướng nhằm hoàn thiện hoạt động. Học viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên theo phân công, thông qua một quá trình tiếp cận với cơ sở thực tập nhằm tìm hiểu thông tin về các lĩnh vực hoạt động. Trong quá trình thực tập tại đơn vị, dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên, học viên hoàn thành báo cáo thực tập theo những quy định về nội dung và hình thức.

2.6.12. [QTTT401], [Thực tập chuyên môn 2], [4TC]

Trong chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, học phần thực tập chuyên môn 2 là học phần được đào tạo chủ yếu tại cơ sở thực tập. Học viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên theo phân công, thông qua một quá trình tiếp cận trực tiếp với cơ sở thực tập nhằm tìm hiểu, nghiên cứu thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị ở các đơn vị kinh tế. Đây là học phần cần thiết để học viên tiếp cận với thực tế và vận dụng các kiến thức chuyên ngành đào tạo vào phân tích thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản

trị. Những lĩnh vực nghiên cứu cơ bản: quản trị sản xuất, quản trị nguồn nhân lực, quản trị chiến lược, quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị dự án, quản trị chất lượng, hành vi tổ chức, quản trị rủi ro, năng lực cạnh tranh, văn hóa doanh nghiệp,...

2.6.13. [QTĐP204], [Kỹ năng đàm phán] [2TC]

Học phần Kỹ năng đàm phán trình bày các nội dung lý thuyết và ứng dụng thực tế về lập kế hoạch đàm phán; tổ chức đàm phán; ứng dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết phục trong đàm phán; thực hiện các kỹ năng triển khai cơ bản; kỹ năng đàm phán giá; kỹ năng chống chơi xấu trong đàm phán; kỹ năng kết thúc đàm phán; phân tích phong cách, văn hóa đàm phán của các khu vực, quốc gia, vùng lãnh thổ khác nhau... Đây là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành và có mối quan hệ hỗ trợ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như: Lãnh đạo, Văn hóa doanh nghiệp, Quản trị Marketing, Quản trị chiến lược, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị quan hệ khách hàng và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

2.6.14. [QTLĐ205], [Lãnh đạo], [2TC]

Học phần Lãnh đạo trang bị cho người học các kiến thức nâng cao về lãnh đạo như: sự khác nhau giữa quản lý và lãnh đạo, xu hướng hình thành quyền và sử dụng quyền, từ đó biết cách sử dụng quyền như thế nào cho hiệu quả khi lãnh đạo; các mô hình lãnh đạo và các tình huống để sử dụng các mô hình này một cách có hiệu quả; đào tạo nhà lãnh đạo chuyển hóa – Mô hình lãnh đạo được cho là có hiệu quả cao ở hầu hết các tình huống lãnh đạo; bồi dưỡng kỹ năng cho nhà lãnh đạo chuyển hóa. Như vậy, học phần này giúp cho người học biết cách phân tích và vận dụng sáng tạo lý thuyết về lãnh đạo trong các tình huống lãnh đạo khác nhau.

2.6.15. [QTCU'306], [Quản trị chuỗi cung ứng], [3TC]

Học phần Quản trị chuỗi cung ứng là học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản về chuỗi cung ứng, chuỗi cung ứng tích hợp, chuỗi cung ứng toàn cầu và quản trị chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, học phần cung cấp các kiến thức về các xu hướng mới trong công nghệ chuỗi cung ứng và việc ứng dụng công nghệ vào quá trình vận hành chuỗi cung ứng, giới thiệu các mô hình và các công cụ đo lường hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng cũng như quy trình thiết kế hệ thống chuỗi cung ứng. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị marketing, quản trị tác nghiệp và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

2.6.17. [QTCL309], [Quản trị chất lượng], [3TC]

Đây là một trong các học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản về chất lượng và quản trị chất lượng; Các phương pháp, kỹ thuật quan trọng nhằm đảm bảo và cải tiến chất lượng; Giới thiệu về các hệ thống quản trị chất lượng phổ biến và quy trình xây dựng hệ thống quản trị chất lượng.

Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị marketing, quản trị tác nghiệp và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

2.6.17. [QTKT307], [Kế toán quản trị], [3TC]

Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để tổ chức một số kỹ thuật, nội dung công tác kế toán quản trị trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, học phần Kế toán quản trị bao gồm một số nội dung cơ bản như sau:

- Phân tích biến động chi phí sản xuất;
- Đánh giá trách nhiệm quản lý;
- Quyết định giá bán sản phẩm;
- Ứng dụng thông tin thích hợp với việc ra quyết định ngắn hạn;
- Quyết định về đầu tư dài hạn.

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản trị kinh doanh. Học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức kế toán, quản trị của học viên.

2.6.18. [QTTĐ204], [Thương mại điện tử], [3TC]

Học phần Thương mại điện tử trình bày các nội dung lý thuyết và ứng dụng thực tế về các hoạt động thương mại điện tử trong điều kiện nền kinh tế thị trường; tích hợp được các công cụ điện tử trong hoạt động kinh doanh; nghiên cứu, xây dựng và ứng dụng các mô hình thích hợp về thương mại điện tử trong các hoạt động quản trị của doanh nghiệp như CRM, SCM, ERP... Đây là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành và có mối quan hệ hỗ trợ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như: Lãnh đạo, Quản trị Marketing, Quản trị quan hệ khách hàng, Quản trị rủi ro và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

2.6.19. [QTKD205], [Kinh doanh số], [3TC]

Học phần cung cấp kiến thức lý luận và thực hành cơ bản liên quan đến hoạt động kinh doanh số và dự kiến bố trí vào học kỳ 2. Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản về kinh doanh hiện đại, ứng dụng công nghệ trong kinh doanh, đổi mới mô hình kinh doanh số, đạo đức kinh doanh số,... nhằm trang bị cho người học những kiến thức căn bản và kỹ năng cần thiết để trở thành những công dân của nền kinh tế số; xây dựng, lựa chọn và thực thi các chiến lược phù hợp trong hệ sinh thái kinh doanh số. Học phần có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác như quản trị chiến lược, quản trị marketing và học phần đào tạo các chức năng hỗ trợ khác trong doanh nghiệp.

2.6.20. [QTTĐM207], [Quản trị sự đổi mới] [3TC]

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý sự thay đổi và đổi mới trong các tổ chức. Đây là học phần mang tính lựa chọn cho học viên. Những nội dung cụ thể của học phần bao gồm: Hệ thống các kiến thức tổng quan về sự đổi mới như các khái niệm, mục đích, quá trình đổi mới và các lĩnh vực đổi mới trong tổ chức; Phân tích các mô hình đổi mới được các tổ chức ứng dụng và triển khai bao gồm mô hình tĩnh và mô hình

động; Phân tích về mối quan hệ giữa đổi mới và lợi nhuận của tổ chức, nguồn gốc của đổi mới và chuyển giao đổi mới; Quá trình quản trị sự đổi mới như nhận dạng tiềm năng của đổi mới; hoạch định sự đổi mới; tổ chức và điều sự đổi mới; kiểm tra, đánh giá sự đổi mới.

- Xu hướng toàn cầu hóa trong đổi mới và vai trò của chính phủ với sự đổi mới.

6.21. [QTĐT311], [Quản trị danh mục đầu tư], [3TC]

Học phần trang bị cho người học kiến thức về phân tích và quản lý danh mục đầu tư (DMĐT) chứng khoán, trên cơ sở kiến thức về phân tích và quản lý DMĐT được trang bị giúp cho người học tiến hành phân tích và ra quyết định đầu tư chứng khoán, phân bổ vốn đầu tư, xây dựng chiến lược quản lý DMĐT chứng khoán phù hợp với mức sinh lời kỳ vọng và rủi ro có thể chấp nhận. Ngoài ra, kiến thức từ môn học sẽ là hữu ích cho người học trong việc vận dụng các phương pháp và công cụ để xây dựng, quản lý và đánh giá hiệu quả DMĐT của mình. Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành và trang bị những kiến thức, kỹ năng cho người học trong việc vận dụng vào việc thực hành ra quyết định đầu tư và quản trị với chính DMĐT của mình.

2.6.22. [QTDA303], [Quản trị dự án], [3TC]

Học phần này nhằm mục tiêu giúp học viên hiểu sâu hơn lĩnh vực quản trị dự án trong doanh nghiệp, trong đó tập trung vào 5 nội dung quan trọng bám sát chức năng của quản trị dự án như: phân tích và lựa chọn dự án; tổ chức thực hiện dự án; giám sát và kiểm soát dự án; quản trị rủi ro; kết thúc dự án. Bên cạnh được trang bị lý thuyết chuyên sâu về quản trị dự án, người học còn được tiếp cận việc sử dụng các công cụ phần mềm phổ biến trong quản trị dự án tại các doanh nghiệp hiện nay.

2.6.23. [QTRR305], [Quản trị rủi ro], [3TC]

Học phần Quản trị rủi ro trình bày các nội dung lý thuyết và ứng dụng thực tế về rủi ro và quản trị rủi ro trong kinh doanh; Mối quan hệ giữa quản trị rủi ro và quản trị hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Quy trình quản trị rủi ro gồm: nhận dạng và đo lường rủi ro, kiểm soát và tài trợ rủi ro; Quản trị rủi ro tài sản và quản trị rủi ro nhân lực; Một số mô hình đo lường rủi ro. Đây là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành và có quan hệ bổ trợ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như: Quản trị chiến lược, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Hành vi tổ chức, Quản trị quan hệ khách hàng, Quản trị chất lượng, Thống kê và phân tích dữ liệu kinh doanh...

2.6.24. [QTHV302], [Hành vi tổ chức], [3TC]

Học phần cung cấp cho học viên những khái niệm, nội dung cơ bản của hành vi tổ chức, giúp cho học viên xem xét mối quan hệ giữa người lao động với tổ chức trong những bối cảnh hoạt động khác nhau; cung cấp những lý luận giúp học viên có thể vận dụng trong việc duy trì và phát triển quan hệ này một cách hiệu quả. Lĩnh hội tốt các kiến thức hành vi tổ chức giúp cho học viên giải thích, dự đoán và kiểm soát các hành vi của người lao động trong tổ chức nhằm mục đích tối đa hóa sự phù hợp giữa cá nhân và tổ chức.

2.6.25. [QTKH209], [Quản trị quan hệ khách hàng], [3TC]

Học phần Quản trị quan hệ khách hàng cung cấp kiến thức nâng cao về lý thuyết và thực tiễn quản trị quan hệ khách hàng (CRM) trong bối cảnh kinh doanh hiện đại. Học viên sẽ nghiên cứu các chiến lược và mô hình CRM tiên tiến, bao gồm phân tích dữ liệu lớn, tích hợp CRM với tiếp thị đa kênh và tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng nhằm đạt được lợi thế cạnh tranh bền vững. Học phần cũng thảo luận các thách thức như bảo mật dữ liệu và quản lý kỳ vọng khách hàng, thông qua phân tích tình huống thực tế, giúp học viên phát triển tư duy chiến lược và kỹ năng lãnh đạo cho vai trò quản trị cấp cao.

2.6.26. [QTTN208], [Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp], [3TC]

Học phần Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về lịch sử, khái niệm và vai trò của CSR trong bối cảnh kinh doanh hiện đại, cùng mối liên hệ giữa việc thực hiện CSR và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm các yếu tố thúc đẩy, phương pháp quản lý, và triển khai CSR trong tổ chức. Qua đó, học viên được trang bị kỹ năng phân tích, đánh giá, và triển khai chiến lược CSR hiệu quả, giúp phát triển tư duy phản biện và năng lực quản lý để đáp ứng nhu cầu hội nhập và phát triển bền vững.

2.6.27. [QTTK308], [Thống kê và Phân tích dữ liệu kinh doanh], [2TC]

Học phần nhằm cung cấp cho học viên kiến thức, phương pháp nghiên cứu của Thống kê ứng dụng, trang bị cho học viên các kỹ năng sử dụng công cụ phân tích định lượng của Thống kê trong phân tích dữ liệu kinh doanh: các phương pháp chọn mẫu và lý thuyết bảng hỏi; các phương pháp mô tả số liệu thống kê; các phương pháp tính toán đo mức độ tập trung và đo mức độ phân tán của số liệu; phương pháp xác định quan sát bất thường; phân tích phương sai (ANOVA) một chiều và hai chiều; phân tích tương quan và phân tích hồi quy tuyến tính; phân tích hồi quy logistic nhị phân; phân tích nhân tố khám phá (EFA). Đây là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành và có quan hệ hỗ trợ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như: Quản trị tài chính, Quản trị Marketing, Quản trị rủi ro.

2.6.28. [QTCS310], [Phân tích chính sách công], [2TC]

Học phần Phân tích chính sách công trình bày các nội dung lý thuyết và tình huống thực tế về các vấn đề liên quan đến chính sách công, như bối cảnh hình thành chính sách, đặc điểm, nội dung và thực thi chính sách. Từ đó xem xét tác động của chính sách công đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là học phần tự chọn, giúp người học có thể phân tích, đánh giá ảnh hưởng và khả năng khai thác các chính sách mà Nhà nước ban hành trong thực tế.

2.6.29. [QTĐA402], [Đề án thực sĩ], [9TC]

Học phần tốt nghiệp (Đề án thực sĩ) trong chương trình đào tạo thạc sĩ quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng thể hiện sự vận dụng kiến thức chuyên ngành đã được học

vào thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp; giúp học viên nhìn nhận vấn đề một cách khoa học, toàn diện; từ đó cung cấp thông tin, đề xuất các giải pháp khắc phục, góp phần hoàn thiện hoạt động cho tổ chức hoặc lĩnh vực nghiên cứu. Trên cơ sở định hướng và hướng dẫn của giảng viên, khi thực hiện đề án thực sĩ, học viên sẽ chọn một vấn đề trong thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị, phù hợp với các nội dung đào tạo của chuyên ngành quản trị kinh doanh để nghiên cứu.

Bình Định, ngày 19 tháng 12 năm 2024



PGS. TS. Đoàn Đức Tùng